TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày: 24/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2017/TLPT - DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2017/DS – ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 328/2017/QĐ – PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Đặng Thị Bảo N*, sinh năm 1986,

Địa chỉ cư trú: ấp Tân Tây, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn: Lương Thị Thu T*, sinh năm 1970,

Địa chỉ cư trú: 308 ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Công B*, sinh năm 1966,

Địa chỉ cư trú: 308 ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Bút: Bà Lương Thị Thu T (Văn bản ủy quyền 26/4/2017)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lương Thị Thu T.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Đặng Thị Bảo N trình bày:

Ngày 31/7/2016 chị Đặng Thị Bảo N có cho chị Lương Thị Thu T vay số tiền là 150.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời gian vay là 05 ngày, mục đích vay trả nợ và phục vụ sinh hoạt gia đình, giữa hai bên có lập giấy nợ. Nhưng khi đến hạn chị N đã nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền đã vay nhưng chị T không trả. Nay chị N yêu cầu Tòa án buộc chị T và anh Nguyễn Công B là chồng chị T cùng liên đới trả cho chị N số tiền đã vay 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Lương Thị Thu T trình bày:

Bà không có vay số tiền 150.000.000 đồng của bà Đặng Thị Bảo N. Giấy mượn tiền đề ngày 31/7/2016 do bà viết và ký tên nhưng thực tế bà viết giấy mượn tiền để bảo lãnh cho bà N vay tiền của bà Hồ Thị L. Ngày 31/7/2016, bà Lê Minh H chở bà đem sổ đỏ lên nhà bà L cho bà N mượn để vay tiền của bà L. Bà L không chịu, bà N kêu bà lãnh nợ cho bà N nhưng bà không chịu. Bà H nói nếu bà sợ thì sẽ ghi cho bà giấy nợ vì vậy bà mới ghi giấy nợ cho bà N. Giấy nợ bà ghi cho bà N và giấy nợ bà H ghi cho bà giống nhau, đều cùng ngày, nhưng thực tế không có giao nhận tiền với nhau. Bản chất của việc ghi giấy nợ là để bà N vay tiền của bà L. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà N vì bà không có vay tiền của bà N. Ông Nguyễn Công B là chồng của bà không biết gì về việc làm của bà nên ông Bút không có trách nhiệm gì trong vụ việc này.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 109/2017/DS – ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 đã tuyên:

Buộc bà Lương Thị Thu T trả cho bà Đặng Thị Bảo N số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Bảo N về việc yêu cầu ông Nguyễn Công B liên đới cùng bà Lương Thị Thu T trả số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2017 bà Lương Thị Thu T kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung tại tòa sơ thẩm bà có yêu cầu giám định phần nguyên đơn ghi thêm vào giấy nợ, để làm căn cứ khởi kiện của bà. Nếu nguyên đơn không ghi thêm thì sẽ không đủ điều kiện khởi kiện bà ra tòa. Sự khác biệt của việc ghi thêm vào giấy nợ là rất lớn. Tòa án sơ thẩm cho là không cần thiết là không đúng pháp luật. Bà kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T trình bày: cấp sơ thẩm chưa làm rõ một số nội dung có liên quan đến việc ghi giấy nhận tiền ngày 31/01/2016 nhưng lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T trả 150.000.000 đồng cho bà N là chưa đủ căn cứ. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre điều tra làm rõ lại nội dung vụ án.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Bảo N không đồng ý kháng cáo của bà T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 109/2017/DS – ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đặng Thị Bảo N khởi kiện yêu cầu Lương Thị Thu T trả cho bà số tiền đã mượn là 150.000.000 đồng, chứng cứ bà N cung cấp là giấy mượn tiền ngày 31/7/2016. Bà T cũng thừa nhận giấy này do chính bà viết và ký tên. Tuy nhiên bà T cho rằng bà không có viết cụm số "321210091" là chứng minh nhân dân của bà N và số "2016" phía trên chữ năm ở dòng cuối của giấy mượn tiền. Bà T yêu cầu hủy án sơ thẩm do Tòa sơ thẩm không tiến hành giám định theo yêu cầu của bà. Xét yêu cầu của bà T, hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa hôm nay bà N cũng thừa nhận chính bà N là người viết thêm. Phần bà T yêu cầu

giám định không ảnh hưởng đến nội dung của giấy mượn tiền mà bà N cung cấp. Nội dung của giấy mượn tiền thể hiện bà T mượn của bà N số tiền 150.000.000 đồng, điều này bà T cũng thừa nhận nội dung của giấy mượn tiền do chính bà viết. Từ đó, hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, kháng cáo của bà T là không có căn cứ, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Thu T

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số số 109/2017/DS – ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Cụ thể tuyên:

Buộc bà Lương Thị Thu T trả cho bà Đặng Thị Bảo N số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Bảo N về việc yêu cầu ông Nguyễn Công B liên đới cùng bà Lương Thị Thu T trả số tiền 150.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị Thu T phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Đặng Thị Bảo N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010477 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011396 ngày 22/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương